

MAIL  
E-Mail  
(shikin-kz@gx.n-koei.co.jp)

**NK INTER-OFFICE MEMO**

Ref. LKZ-CRC-006		
Day	Month	Year
07	Dec.	2015

**TO :**  
KZ Dept. (Accounting Group)



**FROM : JA15R1003P**  
Hanoi City Ring Road No.3 Construction Project

--	--	--	--	--

Project Manager				
Maeda				

Copy to : (Copy to be sent by Sender, Receiver)      Kept by :

**Subject: Submission Accounting Documents List –2<sup>nd</sup> quarter closing for FY 2016**

Dear Sir,

We are sending the following documents to you as per 'O' in Mark line.

**Documents for the Accounting for Dec 2015**

Document	KZ	Check	Remarks
1. Cash/Bank Book with receipt and other evidence		O	
2. Form 5(Account Payable)			
3. Certificate of Cash Balance		O	
4. Bank Statement		O	

Other Comments(If any)

Regards

For Cash Book (VND)

DATE : 7 December 2015

CERTIFICATION OF CASH BALANCE

PROJECT CODE No. JA15R1003

PROJECT NAME HNRR3 Project (DD)

NAME OF OFFICE Project Office

1. CASH BALANCE IN CASH BOOK VND 20,865,000.00

2. ACTUAL CASH ON HAND

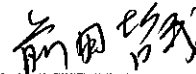
DENOMI.	KIND	NUMBER	AMOUNT	REMARKS
500,000	NOTE	9	4,500,000	
200,000	NOTE	80	16,000,000	
100,000	NOTE	3	300,000	
50,000	NOTE	1	50,000	
20,000	NOTE		0	
10,000	NOTE	1	10,000	
5,000	NOTE	1	5,000	
2,000	NOTE		0	
1,000	NOTE		0	
500	NOTE		0	
500	COIN		0	
100	NOTE		0	
100	COIN		0	
50	COIN		0	
		TOTAL	20,865,000	

APPROVED BY



Tetsuya Maeda

CHECKED BY



PREPARED BY



Nguyen Thi Xuan Thu

CASH BOOK

PROJECT CODE NO. :  
PROJECT NAME :  
CURRENCY :

JA15R1003  
Hanoi City Ring Road No. 3 Construction Project  
VND

MONTH  
CURRENCY  
LAST BALANCE

LEDGER-1

Dec-15
VND

Month	Date	DESCRIPTION	PROJECT CODE	A/C CODE	SUB CODE	EVI. NO.	PAID	RECEIVED	BALANCE
10	06	Received from VND Account	JA15R1003					30,000,000.00	30,000,000.00
10	06	Refund of deposit VND account to Ms Thu	JA15R1003				1,000,000.00		29,000,000.00
10	06	Meeting expenses (Kick-off meeting with PMUTL)	JA15R1003			01	3,500,000.00		25,500,000.00
10	06	Notary charge of passport for ODA certificate - Mr Ishimoto	JA16U2001			02	540,000.00		24,960,000.00
10	06	Notary charge of passport for ODA certificate - Mr Naresh,	JA15R1003				1,030,000.00		23,930,000.00
10	06	Notary charge of passport for ODA certificate - Mr Inoue	JA16E2001				280,000.00		23,650,000.00
10	06	Notary charge of passport for ODA certificate - NE (Mr Nakane)	NE				750,000.00		22,900,000.00
10	06	Service charge for visa of Mr Ando	JA16I0002			03	448,000.00		22,452,000.00
10	06	Service charge for visa of Mr Nozue, Mr Tsujimoto	JA15R1003				896,000.00		21,556,000.00
10	06	Service charge for visa of Mr Maurice, Mr Matsubara	JA15R1003			04	898,000.00		20,658,000.00
10	06	Entertainment: Welcome party to engineers	JA15R1003			05	7,698,000.00		12,960,000.00
10	06	Visa extension for Mr Maeda	JA15R1003			06	6,780,000.00		6,180,000.00
10	11	Taxi charge for Mr Maurice (Airport - Hotel)	JA15R1003			07	364,000.00		5,816,000.00
10	19	Received from VND Account	JA15R1003					50,000,000.00	55,816,000.00
10	19	Accommodation & Per Diem for Mr Maurice for 11-25 Oct 2015	JA15R1003			08	34,030,000.00		21,786,000.00
10	19	Visa extension for Mr Tokumaru	JA15R1003			09	6,750,000.00		15,036,000.00
10	20	Flower for Vietnamese Woman Day	JA15R1003			10	3,500,000.00		11,536,000.00
10	21	Notary fee of passport for ODA certificate - Mr Tsujimoto,	JA15R1003			11	1,060,000.00		10,476,000.00
10	21	Notary fee of passport for ODA certificate - Mr Ando	JA16I0002				280,000.00		10,196,000.00
10	21	Notary fee of passport for ODA certificate - Mr Tsuda	NE				280,000.00		9,916,000.00
10	24	Entertainment: Office Party	JA15R1003			12	9,261,000.00		655,000.00
10	28	Received from VND Account	JA15R1003					30,000,000.00	30,655,000.00
10	28	Visa extension for Mr Naresh and Mr Tanaka	JA15R1003			13	3,180,000.00		27,475,000.00
11	25	Service charge for visa of Mr Ando	JA16I0002			14	449,000.00		27,026,000.00
11	30	Entertainment: Farewell party to engineers	JA15R1003			15	6,161,000.00		20,865,000.00
									20,865,000.00

*(Handwritten signature)*

APPLICATION FORM FOR MEETING EXPENSE

DETAILS OF THE MEETING EXPENCE

PAID AMOUNT:

VND 3,500,000 -

THE EXPENDITURE WAS PAID TO:

(Please write the name of the supplier)

"lan Chen" Restaurant

WBS CODE:

JA 15 R 1003

TITLE OF THE MEETING:

Kick-off meeting

PLACE OF THE MEETING:

PMU Phang Long

DATE OF THE MEETING:


28 Jul 2015

NAMES AND NUMBERS OF PARTICIPANTS:

(Write names of their company, too)

- Consultant: 11 persons
- PMU TL: Mr Binh, Mr Tu, Mr Hieu

GENERAL MANAGER OF DEPT. IN CHARGE



BIỆT ĐÌNH, HÀ NỘI NHẬN VIÊN TRẢ TIỀN

Vui lòng ghi tên trả bia và thanh toán theo đúng số tiền ghi trên hóa đơn!

BIA	Nippon	Kuei Co	Hoi				
	521	Kim Ma					

NOTE:

PENSE.

STT	TÊN HÀNG	SL	GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Tổng số bia			
2	Lạc			
3	Khăn			
4	Suất ăn	14	250,000	3.500.000
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				

CLAIMED BY:

Ms Thanh Lan

Name of the person who paid advance

CHECKED BY:

*[Signature]*

Xuan Thu

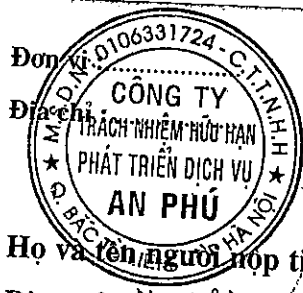
APPROVED BY:

*[Signature]*

T. Maeda

Ảnh Tạo Trẻ - ĐT: 090342 3368

①



# PHIẾU THU

Đơn  
Địa chỉ:

Ngày...12...tháng...8...năm 2015...

Quyển số:.....  
Số:.....  
NƠ.....  
CÓ.....

Mẫu số: 01 - TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 03 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ tài chính

Họ và tên người nộp tiền : VP. tư vấn gói thầu 3: dự án Đ.T.X.D. cầu cạn trạm Mai Dịch...  
Địa chỉ : Nam Thăng Long thuộc đường vành đai II... P. Hà Nội - 243A Đ. La Thành... HN.  
Lý do nộp : Dịch công chứng tài liệu (7 quyển hồ chiếu = 235 trang)

Số tiền: 2.600.000 (Viết bằng chữ): Hai triệu sáu trăm nghìn đồng.

Kèm theo : ..... Chứng từ gốc: .....

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)      Kế toán trưởng (Ký, họ tên)      Thủ quỹ (Ký, họ tên)      Ngày.....tháng.....năm 201.....  
Người lập phiếu (Ký, họ tên)      Người nộp tiền (Ký, họ tên)

Checked by 	Approved by 
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):	Date:

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):  
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):  
+ Số tiền quy đổi:

Trần Huyền Trang

Notes: see for passport (7 persons) for ODA certificate.

- Mr Ichimoto : 540,000 VND
- Mr Maeda : 400,000 -
- Mr Naresk : 170,000 -
- Mr Fujino : 460,000 -
- Mr Inoue : 280,000 -
- Mr Nakasaki : 280,000 -
- Mr Mariko : 470,000 -

NE {

3

# PHIẾU THU

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Ngày 04 tháng 9 năm 2015

Quyển số: .....

Số: .....

NƠ: .....

CÓ: .....

Mẫu số: 02-TT (Ban hành Theo QĐ số: 15/2006-QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ, tên người nộp tiền: Chi Hiên - Nippon Koei

Địa chỉ: ICON 4, 24A Đ. La Thành, Đống Đa, Hà Nội

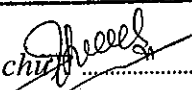

Lý do thu: Địch vụ visa (3 người) - Go USA  
1. Ando 2. Nozue 3. Tsujimoto

Số tiền: 1.343.700 (Viết bằng chữ) Một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm đồng

Kèm theo: ..... Chứng từ kế toán

Ngày..... tháng..... năm 20.....

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp</b> (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	----------------------------------	--------------------------------	----------------------------------

<b>Checked by</b> 	<b>Approved by</b> 
<b>Date:</b>	<b>Date:</b>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) .....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) .....

+ Số tiền quy đổi .....

Service charge for visa for Mr Ando, Mr Nozue & Mr Tsujimoto

4

# PHIẾU THU

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Ngày 21 tháng 9 năm 2015

Quyển số: .....

Số: .....

Nợ: .....

Có: .....

Mẫu số : 02-TT (Ban hành  
Theo QĐ số: 15/2006-QĐ-BTC  
ngày 20 / 3 / 2006  
của Bộ trưởng BTC)

Họ, tên người nộp tiền: Chi Hiên Nippon Kasei

Địa chỉ: I CON 4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Lý do thu: Dịch vụ Visa (2 người) = 40 USD

1- Maurice 2- Matsatomo

Số tiền: 898.200 (Viết bằng chữ) Tám trăm chín mươi nghìn hai trăm đồng

Kèm theo: Chứng từ kế toán

Ngày..... tháng ..... năm 20.....

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập**

**Thủ quỹ**

**Người nộp**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Checked by	Approved by
Date: .....	Date: .....

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

Service charge for visa for Mr Maurice & Mr Matsatomo

APPLICATION FORM FOR ENTERTAINMENT  
EXPENSE

DETAILS OF THE ENTERTAINMENT

PAID AMOUNT:

VND 7,698,000-

THE EXPENDITURE WAS PAID TO:

(Please write the name of the supplier)

K-Pub - Korean BBQ Garden

WBS CODE:

JA 15R 1003

PURPOSE OF THE EXPENDITURE:

Welcome party to Engineers

NAME OF PARTICIPANTS OF NK:

(Write names of all participants of NK)

Mr Ishimoto, Mr Maeda & Consultant  
teams

NAME OF THE COUNTERPART:

(Write names of their company, too)

DATE OF THE EXPENDITURE:

28 Sep 2015

CONTENTS OF THE EXPENDITURE:

Dinner charge (Foods + Drinks)

GENERAL MANAGER OF DEPT. IN CHARGE

\_\_\_\_\_

PLEASE ATTACH THE RECEIPT HERE

NOTE: USE THIS FORM WITH YOUR RECEIPT WHEN YOU SPEND EXPENSE  
FOR ENTERTAINMENT.

FULFILL ALL DETAILS REQUIRED BY JAPANESE TAX CODE.

THE FOLLOWING PERSONS ARE ACCOUNTABLE FOR YOUR ENTERTAINMENT EXPENSE:

EACH OVERSEAS OFFICE - EACH MANAGER OF THE OFFICE CONCERNED

EACH PROJECT OFFICE - EACH GENERAL MANAGER OF THE DEPARTMENT IN  
CHARGE

CLAIMED BY:

Phanh Lan

Name of the person who paid advance

CHECKED BY:

Xuan Thu

APPROVED BY:

T. Maeda

5

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CỒNG VÀNG  
GOLDEN GATE TRADE & SERVICE JSC.

Số 60 Giang Văn Minh - Phường Đại Cấn - Quận Ba Đình - Hà Nội  
ĐT: 04. 3722 6354 Fax: 04.3722 6352  
Mã Số Thuế: 0102721191

Ngày: 23/09/2015 - 21:22  
Bàn: 2  
Số Order: 8309/1  
Số Check: 106621  
Số Khách: 20

## PHIẾU THANH TOÁN

Concept: KPUB

Mã NH: I01HNOKP01

Địa chỉ: Đối diện 22 Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy, Hà

Khách hàng: MAI XUAN DUNG-100000440005934

Thu ngân: Duong Thi Thuy

Tel: 043.834.96.96

Web: www.kpup.com.vn

Giờ mở: 18:07

Giờ đóng: 21:22

Tên hàng	ĐVT	S/L	Đơn giá	Tổng
Aquafina	Chai	1	17.273	17.273
Ba chỉ bò Sauce K-Pub	Dĩa	4	71.818	287.272
Bia Tươi Zamky	ly	40		
Bia Tươi Zamky	ly	120	26.364	3.163.680
Combo thùng phuy to và lẩu		4	516.363	2.065.452
Dài heo	Dĩa	5	71.818	359.090
Lẩu hải sản	Nồi	1	171.818	171.818
Mì ăn kèm lẩu	Bát	4	17.273	69.092
Nôn đuôi nường	Dĩa	5	62.727	313.635
Pepsi	Lon	2	17.273	34.546
Sườn bò K-pud	Dĩa	3	166.363	499.089
Trà đá (bán theo âu)	Âu	1	17.273	17.273

**ĐÃ THU TIỀN**

Tiền hàng: 6.998.220 VNĐ  
Chiết khấu: G-People gold HN 0 VNĐ  
Tiền thuế: 10% 699.822 VNĐ  
Tổng cộng: 7.698.042 VNĐ  
Tổng còn phải thanh toán: 7.698.042 VNĐ

QUẢN LÝ CHỖ VÀ NHÀ HÀNG Thu ngân Phục vụ Khách hàng

*Đỗ Thành Đạt*

*Đỗ Hoàng Yến*

\* Hóa đơn tài chính, không tách rời khỏi bill thanh toán, được xuất cho quý khách ngay khi đóng giao dịch này.  
\* Trường hợp quý khách không cung cấp tên, địa chỉ, MST chúng tôi sẽ xuất hóa đơn khách lẻ.  
\* Trường hợp nhân viên không giao hoá đơn tài chính cho khách hàng, vui lòng báo lại theo số hotline: 19006622

*Ko có ghi lấy HAD.*

#1/1



QUÉT MÃ ĐỂ XEM ƯU ĐÃI G-PEOPLE

ggg.com.vn/uudaigpeople.html

GoldenGateRestaurantGroup

HOTLINE 19006622

www.ggg.com.vn

⑥

# Receipt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ITC  
 PHÒNG  
 DỊCH VỤ ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH

Project Account \_\_\_\_\_

Voucher No \_\_\_\_\_

(Currency) \_\_\_\_\_

Sum in numbers

6	780,000	USD
---	---------	-----

Sum in words

Million	Hundred Thousand	Ten Thousand	Thousand	Hundred	Ten	One
Six	Seven	Eight	Ten	Ten	Ten	Ten

Received from

Nippon Kaei office

Name

Place of work

Unit Price

Maeda Tetsuya Service fee USD 6,780.00  
Visa extension for Mr Maeda (6/10 -> 6/11/2016)

5 Oct 2015

Date

U

Checked by	Approved by
<u>[Signature]</u>	<u>[Signature]</u>
Date: _____	Date: <u>5th Oct 2015</u>



**BIÊN LẠI  
RECEIPT**

Hotline: 0438.53.53.53  
Số TAI: 8244; DT: 0438 53 53 53

Giờ lên : 21:56 11/10/15  
Giờ xuống : 22:39 11/10/15  
Củ ly : 27.7 Km  
Tiền DH : 364.000 VND

Điểm lên : Vo Van Viet Xa Phu  
Cuong Huyen Soc Son Ha Noi

Điểm xuống: Nguyen Chi Thanh  
Phuong Ngoc Khanh Quan Ba Dinh  
Ha Noi

DỊCH VỤ MÔI  
Taxi Group Airport-0438 51 51 51

TRẦN TRỌNG CAM ON ---

Checked by	Approved by
Date:	Date:

Taxi charge (Airport → hotel) for Mr Maurice

⑧

PETTY/CASH VOUCHER

Date 19 October 2015

Name of Payee Mr Maurice Frederick Burley

Account \_\_\_\_\_

Details of Expenditure	VND/US\$
Accommodation & Per Diem allowance	
for Mr Maurice for 11 → 25 Oct 2015	
109 USD x 14 days = 1,526 USD x 22,300	
= 34,030,000 VND	
Total	

Received the sum of VND/US\$ 34,030,000 VND

前田 浩利

Authorised by

Maurice F. Burley

Received by

COST ESTIMATE

1. REMUNERATION

: USD 14,250 (USD950/day\*15days)

2. OUT OF POCKET EXPENSES

- Airfare : To be reimbursed at cost  
(Y2 Economy Class, Maximum 2,100USD)
- Accommodation : USD 57 / day
- Per diem : USD 52 / day } \$109 / day
- Other Business Expenses : Actual cost to be reimbursed at cost upon presentation of the original evidences, subject to approval of the Manager.

$$\underline{14 \text{ days} \times \$109 = \$1,526}$$

I will take all  
in VND.

45  
Febing

M. H.  
MB.

9

# Receipt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ITC  
 PHÒNG  
 DỊCH VỤ ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH

Project Account

Voucher No \_\_\_\_\_

(Currency)

6,750,000	USD

Sum in numbers

Sum in words

Million	Hundred Thousand	Ten Thousand	Thousand	Hundred	Ten	One
Six	Seven	Five	Ten	Ten	Ten	Ten

Received from

Nippon Koei office

Name

Place of work

Unit Price

Tokumaru Shuikuro service fee USD 6,750,00  
 Visa extension for Mr Tokumaru (25/10/15 -> 25/01/16)

16 Oct 2015

Date

*[Signature]*

Checked by	Approved by
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Date:	Date:



10

DALAT HASFARM  
 CN CÔNG TY TNHH AGRIVINA TẠI HÀ NỘI  
 359 Âu Cơ, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội  
 MST : 5800000167-002  
 ĐT: 04.37196043 Fax: 04.37194311  
 Số TK: 007.100.167581.3 VCB-CN DL

**HOA ĐƠN**  
**GIA TRI GIA TANG**

Liên Trang: Lưu/Liên Hồng: Giao người mua  
 Mã số: 01GTKT2/006  
 Ký hiệu: HA/15T  
 Số: 0012099

Ngày: 20/10/2015 8:09:16 AM  
 Khách hàng:

Khách là:

Địa chỉ:

Checked by	Approved by
Date:	Date:

Mã số thuế:  
 Hình thức thanh toán: TM/CK  
 Số TK:

TH/DVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
-----			
Lang hoa - ARR1500			
5	1	1.500.000,00	1.500.000,00
Lang hoa - ARR2000			
5	1	2.000.000,01	2.000.000,01
-----			

*Flower on  
 VN Woman Day*

T. suất	BB chưa có BTGT	Thuế
5%	3.333.333,34	166.666,67
10%	0,00	0,00
NDVAT	0,00	0
-----		

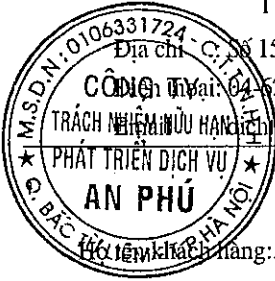
Tổng thuế VAT : 166.666,67  
 Tổng cộng : 3.500.000,01  
 Chết khấu : 0,00  
 Tổng tiền TT: 3.500.000 ✓

Ba triệu năm trăm ngàn đồng chẵn

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi  
 lập, giao, nhận hóa đơn)  
 Phần mềm được cung cấp bởi CTY  
 TNHH TECTURA (VN). MST: 0304813342



# TRUNG TÂM DỊCH THUẬT AN PHÚ



Địa chỉ: 159 Trần Đăng Ninh - Cầu Giấy - Hà Nội.

Điện thoại: 04 6293 4457

\* Mobile: 0975 425 399

Email: trungthuathanphu@gmail.com

\* Website: dichthuathanphu.com

## PHIẾU BIÊN NHẬN

Họ tên khách hàng:

Công ty TNHH Nippon kai

Điện thoại:

Email:

### ❖ KHÁCH HÀNG YÊU CẦU DỊCH VỤ

➤ Dịch

➤ Từ tiếng:

Sang tiếng:

➤ Chứng nhận bản sao

➤ Tiếng Việt

Tiếng nước ngoài:

STT	TÊN VĂN BẢN	SỐ TRANG	ĐƠN GIÁ	SỐ BẢN LẤY VẼ	TÊN CHỨNG THỰC	THÀNH TIỀN
1	Hồ liếu: Maurice	22.		02		/
2	H/c: Kiichiro.	28.		02		
3	H/c: Yasuhiko.	28.		02		
4	H/c: Masatomo.	28.		02		
5	H/c: Yuichi	28.		02		
6	H/c: Shinichi.	28.		02.		
7						
8						
9						
10						
SỐ BẢN GỐC 06 bản (Sáu quyển)					TỔNG TIỀN	1.620.000
SỐ TRANG:					THANH TOÁN	1.620.000
NGÀY TRẢ TL:					CÒN LẠI	Chưa

Đã trả khách hàng bản chính

Chưa trả khách hàng bản chính

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2015.

Người nhận hồ sơ

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÁCH HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Giá trên chưa bao gồm VAT)

Đặng Bích Đào

APPLICATION FORM FOR ENTERTAINMENT  
EXPENSE

DETAILS OF THE ENTERTAINMENT

PAID AMOUNT:

VND 9,261,000-

THE EXPENDITURE WAS PAID TO:

(Please write the name of the supplier)

"Bica Tu Do" Restaurant

WBS CODE:

JA 15A 1003

PURPOSE OF THE EXPENDITURE:

Party for VN Woman Day

NAME OF PARTICIPANTS OF NK:

(Write names of all participants of NK)

Mr Ishimoto + staff of RRS Project.

NAME OF THE COUNTERPART:

(Write names of their company, too)

DATE OF THE EXPENDITURE:

24 Oct 2015

CONTENTS OF THE EXPENDITURE:

Foods + Drinks

GENERAL MANAGER OF DEPT. IN CHARGE

PLEASE ATTACH THE RECEIPT HERE

NOTE: USE THIS FORM WITH YOUR RECEIPT WHEN YOU SPEND EXPENSE  
FOR ENTERTAINMENT.

FULFILL ALL DETAILS REQUIRED BY JAPANESE TAX CODE.

THE FOLLOWING PERSONS ARE ACCOUNTABLE FOR YOUR ENTERTAINMENT EXPENSE:

EACH OVERSEAS OFFICE - EACH MANAGER OF THE OFFICE CONCERNED

EACH PROJECT OFFICE - EACH GENERAL MANAGER OF THE DEPARTMENT IN  
CHARGE

CLAIMED BY:

Tran Myien Trang

Name of the person who paid advance

CHECKED BY:

Xuan Phuc

APPROVED BY:

Takuya Maeda

12



**CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH**  
**Viet Nam Immigration Department**  
 Mã số thuế (Tax Code No.): 01-00777985  
 Địa điểm thu (Place):

**BIÊN LAI THU PHÍ, LỆ PHÍ**  
**TÊN LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ: LỆ PHÍ XUẤT NHẬP CẢNH**  
 IMMIGRATION FEES  
 Liên 2 (Copy 2): Giao cho người nộp tiền (For Payer)

Mẫu số (Form): 01BLP3-001  
 Ký hiệu (Serial): AA-15P  
 Số biên lai (Invoice No.):  
**0138041**

- Họ tên người nộp tiền (Name of Payer): **BÙI THỊ DIỆU HIỀN**  
 - Địa chỉ/ Cơ quan tổ chức (Address/Organization): **VỤ HTQT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
 - Số biên nhận (Receipt No.): **AAB151020050** Tỷ giá (Exchange rate): **21800**

Số TT Ordinal No.	Nội dung thu Content	Số lượng Quantity	USD	Thành tiền VNĐ Viet Nam dong Equivalence
1	Cấp thị thực nhiều lần dưới 6 tháng + tạm trú	1	105	2,289,000
<b>Tổng cộng (Total):</b>				<b>2,289,000</b>

Số tiền viết bằng chữ (in words): **Hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn**

Ngày (date) **27** tháng (month) **10** năm (year) **2015**

Người nộp tiền (Payer)

Người thu tiền (Cashier)

*duy hien*  
 Bùi Thị Diệu Hiền

<b>Checked by</b>	<b>Approved by</b>
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Date:	Ngày số:.....

**PHIẾU THU**

Đơn vị: ..... Ngày L.D. tháng A.O. năm 2015...  
 Địa chỉ: .....  
 Số: ..... Mã số: 02-TT (Ban hành Theo QĐ số: 15/2006-QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)  
 NỘI: .....  
 CÓ: .....

Họ, tên người nộp tiền: *Chị Hiền Nippon Koei*  
 Địa chỉ: *ICON4, 243 Đ. La Thành, Đống Đa, Hà Nội*  
 Lý do thu: *Dịch vụ visa (2 người) = 40 USD*  
*1. Naresk 2. Tanaka*  
 Số tiền: *890,800 đ* (Viết bằng chữ) *Hai triệu tám trăm chín mươi nghìn*  
*đồng chẵn*  
 Kèm theo: ..... Chứng từ kế toán

Ngày..... tháng..... năm 20.....

**Giám đốc** (Ký, họ tên, đóng dấu)      **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)      **Người lập** (Ký, họ tên)      **Thủ quỹ** (Ký, họ tên)      **Người nộp** (Ký, họ tên)

*[Signatures]*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): .....  
 + Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) .....  
 + Số tiền quy đổi .....

*Visa extension for Mr Naresk : 2,735,000 VND*  
*Visa application for Mr Tanaka : 446,000 VND*

19

# PHIẾU THU

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Ngày 25 tháng 11 năm 2015

Quyển số: .....

Số: .....

NƠ: .....

CÓ: .....

Mẫu số: 02-TT (Ban hành  
Theo QĐ số: 15/2006-QĐ-BTC  
ngày 20 / 3 / 2006  
của Bộ trưởng BTC)

Họ, tên người nộp tiền: Chi Hiên - Nippon Koei

Địa chỉ: ICON4 243 Lê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Lý do thu: Dịch vụ visa Mr Shinichi Ando = 20 USD

Số tiền: 449.200 đ (Viết bằng chữ) Bốn trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm đồng

Kèm theo: Chứng từ kế toán

Ngày..... tháng..... năm 20.....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Người nộp**  
(Ký, họ tên)

Checked by	Approved by
Date:	Date:

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đồng):

+ Số tiền quy đổi .....

Service charge for visa for Mr Ando

APPLICATION FORM FOR ENTERTAINMENT  
EXPENSE

DETAILS OF THE ENTERTAINMENT

PAID AMOUNT:

VND 6,161,000-

THE EXPENDITURE WAS PAID TO:

(Please write the name of the supplier)

"Phu Hai" Restaurant

WBS CODE:

JA15 R 1003

PURPOSE OF THE EXPENDITURE:

farewell party to some engineers .

NAME OF PARTICIPANTS OF NK:

(Write names of all participants of NK)

Mr Ishimoto + staff of RR3 Project (DD)

NAME OF THE COUNTERPART:

(Write names of their company, too)

DATE OF THE EXPENDITURE:

30 November 2015

CONTENTS OF THE EXPENDITURE:

Foods + Drinks

GENERAL MANAGER OF DEPT. IN CHARGE

\_\_\_\_\_

PLEASE ATTACH THE RECEIPT HERE

NOTE: USE THIS FORM WITH YOUR RECEIPT WHEN YOU SPEND EXPENSE  
FOR ENTERTAINMENT.

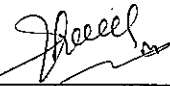
FULFILL ALL DETAILS REQUIRED BY JAPANESE TAX CODE.

THE FOLLOWING PERSONS ARE ACCOUNTABLE FOR YOUR ENTERTAINMENT EXPENSE:

EACH OVERSEAS OFFICE - EACH MANAGER OF THE OFFICE CONCERNED

EACH PROJECT OFFICE - EACH GENERAL MANAGER OF THE DEPARTMENT IN  
CHARGE

CLAIMED BY:



Name of the person who paid advance

CHECKED BY:



Xuan Thu

APPROVED BY:



Tetsuya Maeda

15



# BIA HƠI Thu Hằng

ĐỊA CHỈ : ĐƯỜNG NGUYỄN KHÁNH TOÀN \* TEL : 0982 906666

## PHIẾU TÍNH TIỀN

Bàn số: 129

Nº: 47594

Bia:	15	15				

30x10  
300

Món ăn:	khẩu	26	x	2	52
	Nhân m. trước	5	x	150	750
	Nhân n. y.	34	x	150	750
	Nhân s. x. a.	5	x	40	200
	Lẩu' cua	5	x	350	1750
	Nhưa	40	x	5	200
	Nh. gạo	10	x	7	70
	Chả' cá' v.	5	x	150	750
	Áp. c	5	x	40	200
	MCS	5	x	50	250
	Càc	9	x	5	45
	Cóca	2	x	12	24
	Bu' kích	11	x	60	660
	Thu' m. an	1	x	30	30
	Rau lẩu' cua	3	x	30	90
	Bu'	2	x	10	20
	Nhân viên		x	5	5

Chúc quý khách ngon miệng

Kế toán

Miền

TRAI HUU HAI BIA HƠI THU HẰNG  
 SỐ 2 ĐƯỜNG NGUYỄN KHÁNH TOÀN TRẦN THU HẰNG  
 TÔ 57 - P. DỊCH VỌNG - CẦU GIẤY  
 MST: 0104367651  
 Số 123, đường Nguyễn Phong Sắc  
 P. Dịch Vọng Hậu, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội

7.6.161.000

Thu 30/11

BANK BOOK

LEDGER-1

PROJECT CODE NO. : JA15R1003  
 PROJECT NAME : Hanoi City Ring Road No.3 Construction Project  
 NAME OF BANK : Agribank  
 TYPE OF ACCOUNT : Saving Account  
 ACCOUNT NO. : 1450201025696  
 Name of Account: Cty Nippon KoeiCco., Ltd (NK)

MONTH  
 CURRENCY  
 LAST BALANCE

Dec-15
VND

Month	Date	DESCRIPTION	PROJECT CODE	A/C CODE	SUB CODE	EVI. NO.	PAID	RECEIVED	BALANCE
09	15	Deposit by cash	JA15R1003			01		1,000,000.00	1,000,000.00
09	30	Interest for Sep 2015	JA15R1003					400.00	1,000,400.00
10	01	Received 1M JPY from NK Tokyo	JA15R1003			02		186,100,000.00	187,100,400.00
10	02	Fee for cheque book	JA15R1003			03	9,750.00		187,090,650.00
10	06	Withdraw for cash in hand	JA15R1003			04	30,000,000.00		157,090,650.00
10	19	Withdraw for cash in hand	JA15R1003				50,000,000.00		107,090,650.00
10	28	Withdraw for cash in hand	JA15R1003			05	30,000,000.00		77,090,650.00
10	31	Interest for Oct 2015	JA15R1003			06		118,100.00	77,208,750.00
11	10	Account Management Fee	JA15R1003			07	22,000.00		77,186,750.00
11	30	Interest for Nov 2015	JA15R1003			08		64,300.00	77,251,050.00
									77,251,050.00

*Handwritten signature*



Chi nhánh: CN Hoàng Quốc Việt



Sổ phụ / Statement

Tên khách hàng (Customer name): Cty Nippon Koei Co., Ltd (NK)

Địa chỉ (Address): Tầng 20 Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội,

Ngày in (Print out date): 21/10/2015
Loại tiền gửi (DP kind): TG KKH To chuc kinh te
Số tài khoản (A/C No): 1450201025696
Loại tiền (Ccy): VND
Tài khoản người sở hữu (Joint A/C): N
Tình trạng tài khoản (A/C status): Active

Summary table with 4 columns: Prior Statement, Ending balance, Less debit, Plus credit, Monthly less debit, Monthly plus credit, Annual less debit, Annual plus credit.

Main transaction table with 6 columns: Ngày, Ghi chú, Nợ, Có, Số dư, Số tham chiếu.

Nếu Quý khách có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với quầy Dịch vụ khách hàng
Xin chân thành cảm ơn quý khách hàng.

Số điện thoại: (04) - 37545949

Handwritten signature/initials 'LB'

Handwritten signature 'KHOAT'



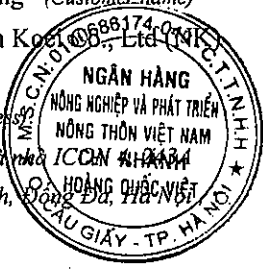
## SỔ phụ / Statement

Tên khách hàng (Customer name)

Cty Nippon Koei Co., Ltd (TNIS)

Địa chỉ (Address)

Tầng 20 Tòa nhà ICAN #1-001  
Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội



Ngày in (Print out date): 20/11/2015

Loại tiền gửi (DP kind): TG KKH To chuc kinh te

Số tài khoản (A/C No): 1450201025696

Loại tiền (Cy): VND

Tài khoản người sở hữu (Joint A/C): N

Tình trạng tài khoản (A/C status): Active

Ngày phát sinh trước (Prior Statement): 19/10/2015

107,090,650

Doanh số nợ tháng (Monthly less debit):

22,000

Số dư cuối ngày (Ending balance): 20/11/2015

77,186,750

Doanh số có tháng (Monthly plus credit):

0

Số bút toán/Doanh số nợ (Less debit): 2

30,022,000

Doanh số nợ năm (Annual less debit):

110.031.750

Số bút toán/Doanh số có (Plus credit): 1

118,100

Doanh số có năm (Annual plus credit):

187,218,500

Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
28/10/2015	NGUYEN THI XUAN	30,000,000	0	77,090,650	
31/10/2015	DEP. INT. DEPOSIT	0	118,100	77,208,750	
10/11/2015	Phí Quản lý TK (DN)	22,000	0	77,186,750	

Nếu Quý khách có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với quầy Dịch vụ khách hàng

Xin chân thành cảm ơn quý khách hàng.

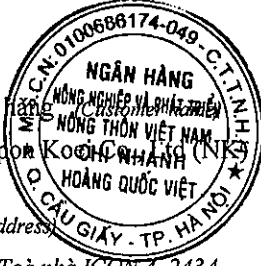
Số điện thoại: (04) - 37545949

LR



## Sổ phụ / Statement

Tên khách hàng: Cty Nippon Kōchō Kaisha (NKK)  
 Địa chỉ (Address): Tầng 20 Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội



Ngày in (Print out date): 07/12/2015  
 Loại tiền gửi (DP kind): TG KKH To chuc kir h te  
 Số tài khoản (A/C No): 1450201025696  
 Loại tiền (Ccy): VND  
 Tài khoản người sở hữu (Joint A/C): N  
 Tình trạng tài khoản (A/C status): Active

Ngày phát sinh trước (Prior Statement):	31/10/2015	77,208,750	Doanh số nợ tháng (Monthly less debit):	22,000
Số dư cuối ngày (Ending balance):	30/11/2015	77,251,050	Doanh số có tháng (Monthly plus credit):	64,300
Số bút toán/Doanh số nợ (Less debit):	1	22,000	Doanh số nợ năm (Annual less debit):	110,031,750
Số bút toán/Doanh số có (Plus credit):	1	64,300	Doanh số có năm (Annual plus credit):	187,282,800

Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
10/11/2015	Phí Quản lý TK (DN)	22,000	0	77,186,750	
30/11/2015	DEP. INT. DEPOSIT	0	64,300	77,251,050	

Nếu Quý khách có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với quầy Dịch vụ khách hàng

Xin chân thành cảm ơn quý khách hàng.

Số điện thoại: (04) - 37545949

*UK*

# Incoming Message

MT103 Single Customer Credit Transfer

Message Kind : SWIFT

Sender BIC: [BOTKJPJT] [BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD.,-(HEAD OFFICE)]

20 Transaction Reference Number 001-3743551

23B Bank Operation Code CRED

32A Value Date/Currency/Interbank settled Amount 151001JPY1000000,

50K Ordering Customer (Name & address) /001-9041470 (001-9041470)  
NIPPON KOEI CO.,LTD.  
5-4 KOJIMACHI CHIYODA-KU TOKYO  
JAPAN

57A Account With Institution(ISO Bank Identifier Code) VBAAVNVX425

59 Beneficiary Customer /1450201025696  
CTY NIPPON KOEI CO., LTD(NK)  
HANOI VIETNAM

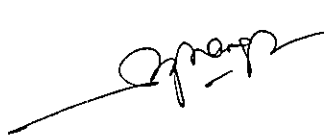
70 Remittance Information FUND TRASFER FUND FOR JA15R1003

71A Details of Charges OUR

72 Sender to Receiver Informaton /ACC/PURPOSE OFFICE FUND

Message Status : Processed

Receive Date 01/10/2015

TTV  
  
Nguyễn Thu Trang

ks  
  
Nguyễn Thị Hương



  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Trần Quốc Hoàng



Mang phồn thịnh đến khách hàng

CHI NHÁNH HOÀNG QUỐC VIỆT

①

# GIẤY NỘP TIỀN

Deposit Order

Ngày: 15/9/2010  
Date

Liên 2: Khách hàng  
Copy Customer

Số: .....

**ĐÃ THU TIỀN**

Số bút toán: .....  
Seq No  
Loại tiền: .....  
Currency

Khách hàng nộp tiền: Nguyễn Thu Xuân Thu  
Customer name

Điện thoại: .....  
Tel

Số CMT/Hộ chiếu: 011895687  
ID/Passport No

Ngày cấp: 13/02/2010  
Date of issue

Nơi cấp: .....  
Place of issue

Địa chỉ: Cầu Giấy, Hà Nội  
Address

Khách hàng nhận tiền: Công ty Nippon Koei Co., Ltd (NK)  
Beneficiary

Điện thoại: .....  
Tel

Số CMT/Hộ chiếu: .....  
ID/Passport No

Ngày cấp: .....  
Date of issue

Nơi cấp: .....  
Place of issue

Số tài khoản: .....  
Account No.

Tại ngân hàng: Agribank Hoàng Quốc Việt  
At Bank

Loại giao dịch:  Mở tài khoản  
Type of transaction Account Opening

Nộp tiền vào tài khoản  
Deposit to Account

Chuyển tiền  
Remittance

Số tiền bằng chữ: Một trệu đồng  
Amount in words

Số tiền bằng số: .....  
Amount in figures

1.000.000.

Nội dung: .....  
Details

Khách hàng (Customer)  
Ký và ghi rõ họ tên (Sign & full name)

Thủ quỹ  
Cashier

Giao dịch viên  
Teller

Kiểm soát  
Supervisor

Mẫu DP003 ban hành kèm theo Quyết định 1371/QĐ-NH/No-TCKT ngày 16/11/2011

# CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Mẫu số: 01GTGT2/1450  
 Ký hiệu: FX/15T  
 Số hóa đơn: 10010028000003  
 Ngày giá trị: 01/10/2015 SBT: 3

Ngày: 01/10/2015

Liên 2: Khách hàng

Chi nhánh: 1450 - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

Địa chỉ: 135 Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: 0100686174-049

Điện thoại/Fax: (04)7555691/(04)7555690

Tên khách hàng: CTY NIPPON KOEI CO., LTD (NK) HOÀNG QUỐC VIỆT

Mã số khách hàng: 1450273393189

Địa chỉ: Tầng 20 Toà nhà ICON 4, 243A -Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Mã số thuế:

Tên ngân hàng thanh toán: BOTKJPJT (BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD.,-TC

Loại giao dịch	Số tiền	LTT	Số tham chiếu	Ghi chú
Oversea Inward Payment	1.000.000	JPY	1450IVT151000244	

Inward Remittance : JPY1,000,000

Beneficiary : CTY NIPPON KOEI CO., LTD(NK)(a/c :1450201025696) Remitting Bank : BOTKJPJT (BANK OF TOKYO-MITSUBI

Remark : hach toan bao co, ko thu phi do dien ve phi OUR

Thông tin hạch toán	N/C	Số tiền	LTT	Ghi chú
Transaction Amount	C	186.100.000	VND	CUST A/C : 1450201025696

Khách hàng  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên  
(Mã GDV: HQVNTRANG)

Kiểm soát  
(Mã KS: )

Giám đốc

  
 Nguyễn Thu Trang



Mẫu IEX04 theo VB số 1371/QĐ-NHNo-TCKT ngày 16/11/2011



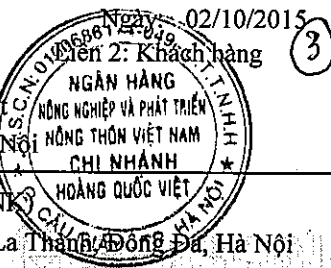
Mang phần thịnh đến khách hàng

# CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Mẫu số: 01GTGT2/1450  
 Ký hiệu: DP/15T  
 Số hóa đơn: 10020138000005  
 Ngày giá trị: 02/10/2015 SBT: 5

Chi nhánh: 1450 - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

Địa chỉ: 135 Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội



Mã số thuế: 0100686174-049

Điện thoại/Fax: (04)7555691/(04)7555690

Tên khách hàng: Cty Nippon Koei Co., Ltd (NK)

Địa chỉ: Tầng 20 Toà nhà ICON 4, 243A -Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Mã số khách hàng: 1450273393189

Loại giao dịch: Rút tiền (TG KKH)

Nội dung: Mua 01 quyển séc

Mã số thuế:

Số tài khoản: 1450201025696

Mẫu số IDP01 theo văn bản số ..... ngày .../.../...

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Tài khoản thanh toán bù trừ của GDV:	9.750	VND	Mã GDV: HQVCONG

**Khách hàng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thủ quỹ**

**Giao dịch viên**  
(Mã GDV: HQVCONG)

**Kiểm soát**  
(Mã KS: )

**Giám đốc**

Vũ Thành công

(4)



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM / AGRIBANK**

Chi nhánh/ Branch: \_\_\_\_\_

**PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
CHI NHÁNH HOÀNG QUỐC VIỆT**

**SÉC/CHEQUE  
A03439251**

Yêu cầu trả cho/ Pay to: Cty. Nippon Koei Co., Ltd. (NK)

Ngày ký phát  
Date of issue

D	M	Y
0	6	1
0	1	5
Ng	Ng	Th
Th	N	N

Số CMND/ ID No: \_\_\_\_\_

Ngày cấp/Date: \_\_\_\_\_

Nơi cấp/Place: \_\_\_\_\_

Địa chỉ/Address: Tầng 20, Tòa nhà ICON4, 243A Đ. La Thành, Đ. M.Đ.

Chi trả vào TK/ Account only:

Không chuyển nhượng/ Non Transferable:

Số tài khoản/ Account No: 1450 2010 25696

Tại/ With: NKNN x PTNT Việt Nam, CN Hoàng Quốc Việt

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: ba triệu tiền đồng

Số tiền bằng số / Amount in figures

30.000.000

Người ký phát/ Drawer: Cty. Nippon Koei Co., Ltd. (NK)

Số tài khoản/ Drawer's account No: 1450 2010 25696

Tại/ With: NKNN x PTNT Việt Nam, CN Hoàng Quốc Việt

**NH Bảo chi/ Certified Bank**

Ngày/ Date: \_\_\_\_\_

Ký tên đóng dấu / Sign & stamp

Dấu  
Stamp

Kế toán trưởng  
Chief Accountant

Người ký phát/Drawer  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*[Signature]*  
Nguyễn Xuân Phi

*[Signature]*  
Ichizuru Ishimoto

5



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM / ASRBANK**

Chi nhánh/ Branch: \_\_\_\_\_

**PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
CHI NHÁNH HOÀNG QUỐC VIỆT**

**SÉC/CHEQUE  
A03439255**

Yêu cầu trả cho/ Pay to: Chy Nippon Koei Co., Ltd (NK)

Ngày ký phát / Date of issue: 

D	M	Y
28	10	15
Ng	Th	N

Số CMND/ ID No: \_\_\_\_\_ Ngày cấp/ Date: \_\_\_\_\_ Nơi cấp/ Place: \_\_\_\_\_

Địa chỉ/ Address: Bến 20, Tòa nhà ICON 1, Đống Đa, Hà Nội

Số tài khoản/ Account No: 1750201025696

Chi trả vào TK/ Account only:

Tên ngân hàng/ With: NH NN & PTNT Việt Nam, CN Hoàng Quốc Việt

Không chuyển nhượng/ Non Transferable:

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: ba mươi triệu đồng

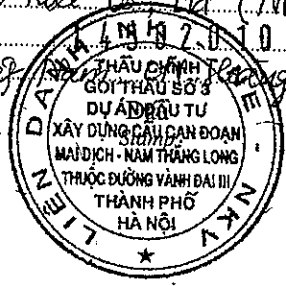
Số tiền bằng số / Amount in figures  
30,000,000 đ

Người ký phát/ Drawer: Chy Nippon Koei Co., Ltd (NK)

Số tài khoản/ Drawer's account No: 1750201025696

Tại/ With: NH NN & PTNT Việt Nam, CN Hoàng Quốc Việt

**NH Bảo chi/ Certified Bank**  
Ngày/ Date: \_\_\_\_\_  
Ký tên đóng dấu / Sign & stamp



Kế toán trưởng / Chief Accountant

*Nguyễn Thị Kiều Phương*  
Nguyễn Thị Kiều Phương

Người ký phát/Drawer (Ký, ghi rõ họ tên)

*Ichizuru Ishimoto*  
Ichizuru Ishimoto



Mang phồn thịnh đến khách hàng

# CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày: 31/10/2015

Liên 2: Khách hàng

6

Mẫu số: 01GTGT2/1450  
 Ký hiệu: GL/15T  
 Số hóa đơn: 10310103001173  
 Ngày giá trị: 31/10/2015 SBT: 1173

Chi nhánh: 1450 - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

Địa chỉ: 135 Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: 0100686174-049

Điện thoại/Fax: (04)7555691/(04)7555690

Tên khách hàng: Cty Nippon Koei Co., Ltd (NK)  
 Địa chỉ: Tầng 20 Toà nhà ICON 4, 243A, Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

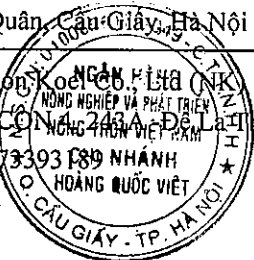
Mã số thuế:

Mã số khách hàng: 14502013393189 NHÁNH

Số tài khoản: 1450201025696

Loại giao dịch: Lãi tiền gửi

Nội dung:



Mẫu IDF01 theo VB số 1371/QĐ-NHNN-TCKT ngày 16/11/2011

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số dư tích lũy:	4.249.819.900	VND	
Lãi nhập gốc:	118.100	VND	

Khách hàng  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên  
(Mã GDV: 1450GL)

Kiểm soát  
(Mã KS: )

Giám đốc

LS



Mang phồn thịnh đến khách hàng

# CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày: 10/11/2015

Liên 2: Khách hàng



Mẫu số:	01GTGT2/1450
Ký hiệu:	DP/15T
Số hóa đơn:	11100100000776
Ngày giá trị:	10/11/2015 SBT: 776

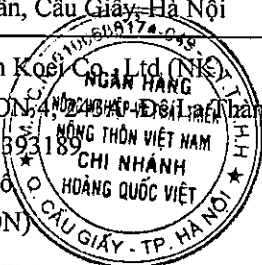
Chi nhánh: 1450 - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

Địa chỉ: 135 Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: 0100686174-049

Điện thoại/Fax: (04)7555691/(04)7555690

Tên khách hàng: Cty Nippon Koei Co., Ltd (NIKKO)  
 Địa chỉ: Tầng 20 Toà nhà ICON 4, Ngõ 4 Phố Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
 Mã số khách hàng: 1450273393189  
 Loại giao dịch: Phí thu theo lộ  
 Nội dung: Phí Quản lý TK (DN)



Mã số thuế:

Số tài khoản: 1450201025696

Mẫu IDP01 theo VB số 1371/QĐ-NHNo-TCKT ngày 16/11/2011

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Thu phí từ tài khoản khách hàng:	22.000	VND	
Thu phí từ tài khoản khách hàng:	22.000	VND	
- Phí:	20.000	VND	Phí: Phí Quản lý TK (DN)
- Thuế GTGT	2.000	VND	

**Khách hàng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thủ quỹ**

**Giao dịch viên**  
(Mã GDV: 1450DP)

**Kiểm soát**  
(Mã KS: )

**Giám đốc**

Batch User



Mang phần thịnh đến khách hàng

# CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày: 30/11/2015

Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 01GTGT2/1450  
 Ký hiệu: GL/15T  
 Số hóa đơn: 11300173001566  
 Ngày giá trị: 30/11/2015 SBT: 1566

Chi nhánh: 1450 - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

Địa chỉ: 135 Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: 0100686174-049

Điện thoại/Fax: (04)75556691/(04)7555690

Tên khách hàng: Cty Nippon Koei Co., Ltd (ĐẠI DIỆN)

Địa chỉ: Tầng 20 Toà nhà ICON A 243A Đ. Lê Văn Thành, Đống Đa, Hà Nội

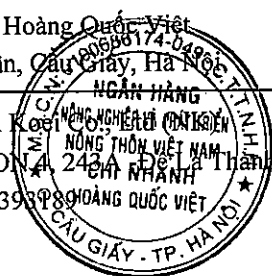
Mã số thuế:

Số tài khoản: 1450201023696

Mã số khách hàng: 1450273393

Loại giao dịch: Lãi tiền gửi

Nội dung:



Mẫu ICF01 theo VB số 1371/QĐ-NHNo-TCKT ngày 16/11/2011

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số dư tích lũy:	2.315.800.500	VND	
Lãi nhập gốc:	64.300	VND	

**Khách hàng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thủ quỹ**

**Giao dịch viên**  
(Mã GDV: 1450GL)

**Kiểm soát**  
(Mã KS: )

**Giám đốc**

Handwritten signatures and initials: UB, ICE, and another signature.